

*

Số 1521-QĐ/TU

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ các quy định và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy, khóa XIV, nhiệm kỳ 2020- 2025 và Chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023;
- Xét đề nghị của Ban cán sự đảng UBND tỉnh và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng.

Điều 2. Thành lập Đoàn Giám sát gồm các đồng chí có tên sau đây:

1. Đồng chí Phạm Văn Hậu, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận: Trưởng đoàn,
2. Đồng chí Nguyễn Long Biên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng ban Điều hành Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận: Phó Trưởng đoàn,
3. Đồng chí Trần Minh Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Thành viên,
4. Đồng chí Lê Văn Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Thành viên,

5. Đồng chí Đào Xuân Kỳ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Phó Trưởng ban Điều hành Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận: Thành viên,
6. Đồng chí Giám đốc Công an tỉnh: Thành viên,
7. Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy: Thành viên,
8. Đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Thành viên,
9. Đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ: Thành viên,
10. Đồng chí Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thành viên,
11. Đồng chí Giám đốc Sở Tài chính: Thành viên,
12. Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ: Thành viên,
13. Đồng chí Giám đốc Sở Xây dựng: Thành viên,
14. Đồng chí Nguyễn Võ Thị Chi, Ủy viên UBKT Tỉnh ủy: Thành viên,
15. Đồng chí Nguyễn Quốc Trạng, Trưởng phòng Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông: Thư ký,
16. Đồng chí Nguyễn Văn Sỹ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông: Thư ký.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian và phương pháp tiến hành được xác định cụ thể trong Kế hoạch giám sát (*ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 4.

1. Lãnh đạo các cơ quan có thành viên tham gia Đoàn Giám sát tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh và các đồng chí có tên tại Điều 2 thi hành Quyết định này.

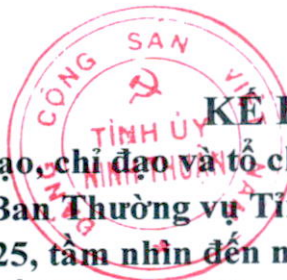
Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Vụ Địa phương VII, UBKTTW, (Báo cáo)
- Như Điều 4,
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Cấp ủy các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Lưu VPTU, Hồ sơ giám sát.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Đức Thanh



KẾ HOẠCH

Giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng (kèm theo Quyết định số 1521- QĐ/TU ngày 28/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm đánh giá đúng ưu điểm, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của **Ban Thường vụ Tỉnh ủy** về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, để kịp thời sửa chữa, uốn nắn, khắc phục.

- Việc giám sát bảo đảm đúng quy trình, quy định của Đảng; phát huy dân chủ, nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên.

- Cấp ủy các cơ quan, đơn vị, địa phương được giám sát, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc và đảng viên có liên quan phối hợp, tạo điều kiện để Đoàn Giám sát hoàn thành nhiệm vụ.

2. Nội dung giám sát

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của **Ban Thường vụ Tỉnh ủy** về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Đối tượng giám sát

Cấp ủy các Sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể trên địa bàn tỉnh; các huyện, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Cụ thể như sau:

- Đoàn Giám sát tiến hành giám sát trực tiếp cấp ủy các đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các huyện, thành ủy: Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Sơn, Thuận Bắc.

- Cấp ủy các Sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể và Ban Thường vụ các huyện ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy còn lại không thuộc đối tượng giám sát trực tiếp nêu trên tự kiểm tra và báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Thời gian giám sát

- Mốc thời gian giám sát: Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2023.

- Thời gian tiến hành giám sát: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tự kiểm tra của Cấp ủy các cơ quan, đơn vị được giám sát; lịch giám sát trực tiếp cụ thể do Đoàn Giám sát thông báo đến các cấp ủy cơ quan, đơn vị.

- Thời gian gửi báo cáo: Các cấp ủy cơ quan, đơn vị được giám sát xây dựng báo cáo theo đề cương (gửi kèm Quyết định này) gửi về Đoàn Giám sát (qua Ban cán sự đảng UBND tỉnh) trước ngày 15/7/2023.

5. Phương pháp tiến hành

Tiến hành giám sát theo Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư ban hành Quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở. Cụ thể:

(1) Đoàn Giám sát triển khai quyết định, kế hoạch giám sát, thống nhất lịch làm việc với Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát. Yêu cầu các cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát chuẩn bị báo cáo theo đề cương, cung cấp các hồ sơ, tài liệu; các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện.

Căn cứ tình hình thực tiễn, việc triển khai quyết định, kế hoạch giám sát có thể thực hiện theo hình thức trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(2) Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát báo cáo bằng văn bản và các hồ sơ, tài liệu có liên quan gửi cho Đoàn Giám sát (thông qua Ban cán sự đảng UBND tỉnh).

(3) Đoàn Giám sát nghiên cứu báo cáo hồ sơ, tài liệu nhận được; trường hợp cần thiết thì làm việc với cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thẩm tra, xác minh những nội dung cần làm rõ.

Đoàn Giám sát xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

(4) Tổ chức hội nghị thông qua dự thảo báo cáo kết quả giám sát; Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát tổ chức, chủ trì và ghi biên bản hội nghị.

- Thành phần hội nghị: Đoàn Giám sát và đại diện Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát (hoặc tùy vào nội dung, đối tượng giám sát, Trưởng Đoàn Giám sát quyết định tổ chức hội nghị, thành phần dự hội nghị).

- Hội nghị thảo luận tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo, kết quả thẩm tra, xác minh của Đoàn Giám sát và kiến nghị, đề xuất bằng văn bản (nếu có).

- Căn cứ tình hình thực tiễn, việc tổ chức hội nghị có thể theo hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(5) Đoàn Giám sát tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ hoặc có ý kiến khác nhau (nếu có); hoàn chỉnh dự thảo báo cáo kết quả giám sát; xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (nếu cần).

(6) Đoàn Giám sát phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo Thường trực Tỉnh ủy quyết định thời gian tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thành phần tham dự; gửi

báo cáo kết quả giám sát cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy chế làm việc.

(7) Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, kết luận kết quả giám sát.

- Đoàn Giám sát báo cáo kết quả giám sát và trình bày đầy đủ các ý kiến của Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát và các đề xuất, kiến nghị.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, kết luận kết quả giám sát; trường hợp kết luận nếu có dấu hiệu vi phạm thì tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

(8) Đoàn Giám sát hoàn chỉnh báo cáo kết quả giám sát, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy trình Thông báo kết luận giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, ký ban hành.

(9) Đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Trưởng Đoàn Giám sát thông báo kết luận giám sát đến Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy được giám sát.

Căn cứ tình hình thực tiễn việc thông báo kết luận giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có thể thực hiện trực tuyến hoặc gửi văn bản.

(10) Đoàn Giám sát họp rút kinh nghiệm; kiến nghị, đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nếu có); hoàn thiện hồ sơ, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy rà soát trước khi bàn giao cho Văn phòng Tỉnh ủy lưu trữ theo quy định.

(11) Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách địa bàn đôn đốc Cấp ủy các đơn vị, huyện, thành ủy thực hiện kết luận giám sát.

6. Kinh phí và phương tiện phục vụ cuộc giám sát thực hiện theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, Kế hoạch này có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế .

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đối với một số tổ chức đảng
(kèm theo Quyết định số 1521-QĐ/TU ngày 28/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Khái quát đặc điểm, tình hình chung, nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị, địa phương.
2. Những thuận lợi, khó khăn tác động đến quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, các văn bản của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số (có phụ lục liệt kê các văn bản ban hành).
2. Việc lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, các văn bản của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số.
3. Công tác tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số.
4. Nhận thức của cấp ủy các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân qua việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, các văn bản của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số.

III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

a) Công tác tuyên truyền, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức

- Kết quả triển khai, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và nhân dân về công tác chuyển đổi số;
- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu (tính đến thời điểm giám sát) trong mục 2.2 Mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Đánh giá vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh, đặc biệt là đoàn viên thanh niên trong việc tham gia đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách, phát triển nguồn nhân lực để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Kết quả cụ thể hóa, xây dựng chương trình, chỉ thị, đề án, dự án, kế hoạch về chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương;

- Việc xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;

- Kết quả thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số, tổ giúp việc và đánh giá hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Riêng đối với địa phương báo cáo thêm nội dung đánh giá kết quả thành lập, hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn/khu phố;

- Đánh giá hiện trạng cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Kết quả tổ chức triển khai bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

c) Phát triển hạ tầng số

Đánh giá hiện trạng hạ tầng CNTT, hạ tầng số của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

Tình hình triển khai sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng ABCnet Công an tỉnh,...

d) Phát triển nguồn dữ liệu

- Đánh giá kết quả triển khai xây dựng, kết nối, khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu (CSDL) Quốc gia theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục CSDL Quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử;

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư theo Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL Quốc gia về dân cư với các CSDL Quốc gia, CSDL chuyên ngành;

- Kết quả cụ thể hóa các chính sách, quy định về quản trị dữ liệu của tỉnh.

đ) Phát triển nền tảng số

- Kết quả triển khai kết nối, sử dụng hệ thống định danh và xác thực điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Kết quả triển khai ứng dụng một số nền tảng số dùng chung trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, ...;

- Đối với UBND cấp huyện: báo cáo về công tác triển khai mạng lưới phát thanh thông minh.

e) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Đánh giá hiện trạng công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Kết quả triển khai xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ, phương án bảo vệ theo hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Phát triển chính quyền số

a) Kết quả triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa địa phương với các cơ quan, Bộ, ngành Trung ương (nếu có) theo thẩm quyền;

b) Kết quả triển khai số hóa dữ liệu, Quản lý văn bản chỉ đạo điều hành; Dịch vụ công trực tuyến; Hệ thống thông tin báo cáo kinh tế - xã hội; Nền tảng tích hợp kho dữ liệu dùng chung; Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ; Cổng/Trang thông tin điện tử; phát triển dịch vụ đô thị thông minh,...

3. Phát triển kinh tế số

a) Việc xây dựng, ban hành chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển tại tỉnh, ...;

b) Kết quả hoạt động thương mại điện tử, thương mại số, sử dụng hóa đơn điện tử, thuế điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số, hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển xã hội số

a) Kết quả triển khai các nền tảng hỗ trợ giáo dục và dạy học, hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, công dân số, thanh toán số trên địa bàn tỉnh;

b) Kết quả đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân.

5. Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên

Tình hình triển khai thực hiện chuyển đổi số trong một số lĩnh vực ưu tiên như: y tế, giáo dục, du lịch, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, thương mại điện tử, năng lượng, tài nguyên và môi trường, doanh nghiệp.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Hạn chế, khuyết điểm, khó khăn

3. Nguyên nhân hạn chế, khuyết điểm

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Bài học kinh nghiệm

V- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

VI- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

*** Ghi chú:**

- Báo cáo ngắn gọn, cần làm rõ kết quả đạt được, chưa được; khó khăn, vướng mắc, bất cập (có số liệu minh chứng cụ thể về các nội dung - số liệu tính đến hết ngày 30/6/2023).

- Các cơ quan đơn vị báo cáo nội dung theo đúng chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực hiện, thẩm quyền quản lý của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.